



TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐẤU GIÁ TÀI SẢN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG 5 DO CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1 (PECC1) SỞ HỮU

Bản công bố thông tin này và tài liệu kèm theo được cung cấp bởi:

CHỦ SỞ HỮU: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1 (PECC1)

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận
Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 38544270 Fax: (84-24) 38541208

Website: www.pecc1.com.vn

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN: CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 71 ngõ 125 đường Tân Xuân, TDP Tân Xuân 1, phường Xuân
Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 32121 723

Hà Nội, tháng 5 năm 2021

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐẤU GIÁ TÀI SẢN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG 5 DO CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1 (PECCI) SỞ HỮU

Bản công bố thông tin này và tài liệu kèm theo được cung cấp bởi:

CHỦ SỞ HỮU: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1 (PECCI)

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 38544270 Fax: (84-24) 38541208

Website: www.pecc1.com.vn

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN: CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 71 ngõ 125 đường Tân Xuân, TDP Tân Xuân 1, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 32121 723

Hà Nội, tháng 5 năm 2021

INFORMATION
C
C
TƯ V
H

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1 (PECCI)

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11/05/2021)

ĐẤU GIÁ NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG 5

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 đấu giá tài sản Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021.

Thông tin về cuộc đấu giá tài sản Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

- **Tên tài sản đấu giá:** Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.
- **Phương thức:** Thực hiện đấu giá theo Luật đấu giá tài sản.
- **Hình thức:** Chuyển nhượng toàn bộ tài sản Nhà máy Thủy điện Sông Bung 5 và tiếp nhận toàn bộ đội ngũ lao động quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Sông Bung 5 đến thời điểm chuyển giao tài sản theo Phương án sử dụng lao động do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 lập.
- **Giá khởi điểm: 1.351.700.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một nghìn, ba trăm năm mươi một tỷ, bảy trăm triệu đồng chẵn).
- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá không bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí trả nợ trước hạn (trong trường hợp tất toán khoản vay tín dụng với ngân hàng) và các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí khác liên quan đến việc chuyển quyền khai thác tài sản, quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.
- Trong trường hợp người trúng đấu giá kế thừa Hợp đồng vay tín dụng của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5: Người trúng đấu giá phải thỏa mãn các điều kiện về kế thừa công nợ theo quy định của Ngân hàng và chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm quy định tại Hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/8/2009 và các phụ lục kèm theo của Hợp đồng.
- Trong trường hợp người trúng đấu giá không kế thừa Hợp đồng vay tín dụng của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 sẽ thực hiện tất toán Hợp đồng với Ngân hàng và người trúng đấu giá có nghĩa vụ thanh toán khoản phí trả nợ trước hạn phát sinh tại thời điểm tất toán theo mức quy định trong Hợp đồng vay vốn tín dụng.
- Giá trị hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 sẽ bao gồm giá trúng đấu giá cộng thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.
- Người trúng đấu giá phối hợp với Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 làm thủ tục chuyển quyền khai thác tài sản, quyền sở hữu tài sản đấu giá. Phí trả nợ trước hạn (nếu có), các khoản thuế, phí, lệ phí... liên quan đến việc chuyển quyền khai thác tài sản, quyền sở hữu tài sản do người trúng đấu giá chịu.
- Các khoản nợ phải thu, phải trả nhà thầu thực hiện thi công xây dựng công trình Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 thuộc trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1.

MỤC LỤC

I.	Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung công bố thông tin.....	5
II.	Các từ viết tắt.....	5
III.	Căn cứ pháp lý.....	5
IV.	Các nhân tố rủi ro.....	6
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
2.	Rủi ro đặc thù.....	7
3.	Rủi ro pháp lý.....	8
4.	Rủi ro khác.....	8
V.	Giới thiệu về Chủ sở hữu Dự án NMTĐSB5	8
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	8
2.	Mối quan hệ với Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.....	9
VI.	Tình hình và đặc điểm của Dự án NMTĐSB5	9
1.	Thông tin chung.....	9
2.	Mô tả kỹ thuật NMTĐSB5.....	10
3.	Các hợp đồng vay vốn, thế chấp với Ngân hàng.....	14
4.	Chức năng, nhiệm vụ của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.....	15
5.	Tình hình quyết toán dự án.....	17
6.	Tình hình đất đai và các công trình xây dựng thuộc NMTĐSB5.....	18
7.	Tình hình lao động.....	19
8.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	19
9.	Các khoản nợ, vay của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.....	19
10.	Ý kiến của ngân hàng cho vay vốn.....	20
11.	Các hợp đồng mua bán điện.....	20
12.	Phương án sắp xếp lao động sau khi bán Dự án.....	20
13.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của NMTĐSB5.....	21
14.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới NMTĐSB5 có thể ảnh hưởng tới giá trị chuyển nhượng.....	21
15.	Triển vọng phát triển.....	21
VII.	Thông tin về việc tổ chức đấu giá tài sản NMTĐSB5	23
1.	Tên tài sản đấu giá: Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.....	23
2.	Giá khởi điểm đấu giá.....	23
3.	Tiền đặt trước khi tham dự đấu giá.....	23
4.	Đối tượng tham gia đấu giá và điều kiện đối với nhà đầu tư tham gia đấu giá....	23

Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

5.	Tổ chức đấu giá tài sản.....	24
6.	Thời gian, địa điểm, cách thức mua và nộp hồ sơ tham gia đấu giá	24
7.	Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá.....	24
8.	Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá tài sản	24
9.	Khoản tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá.....	24
VIII.	Các tổ chức tư vấn có liên quan	24
1.	Tổ chức xác định giá trị tài sản	24
2.	Tổ chức đấu giá tài sản.....	24
3.	Tổ chức tư vấn luật.....	24
4.	Tổ chức Tư vấn xây dựng phương án bán và bản công bố thông tin.....	24
IX.	Khuyến nghị đối với nhà đầu tư.....	25

Tài liệu kèm theo Bản công bố thông tin

Phụ lục 1: Hồ sơ pháp lý

- 1) Văn bản số 360/BCN-NLD ngày 22/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) chấp thuận để Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 được làm Chủ đầu tư Công trình thủy điện Sông Bung 5;
- 2) Quyết định số 88/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P2 ngày 06/3/2009 của HĐQT Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Thủy điện Sông Bung 5;
- 3) Giấy chứng nhận Đầu tư số 22/CN-UBND ngày 11/5/2009 của UBND ngày 11/5/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam;
- 4) Văn bản số 8494/BCT-TCNL ngày 13/9/2011 của Bộ Công Thương chấp thuận điều chỉnh công suất lắp máy Dự án thủy điện Sông Bung 5, tỉnh Quảng Nam;
- 5) Giấy phép hoạt động Điện lực số 366/GP-ĐTĐL ngày 28/12/2020 do Cục Điều tiết Điện lực - Bộ Công Thương cấp;
- 6) Giấy phép Khai thác sử dụng nước mặt số 2317/GP-BTNMT ngày 26/12/2012 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;
- 7) Hợp đồng Thuê đất số 312/HĐTD ngày 02/12/2009 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1;
- 8) Hợp đồng Tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/8/2009 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi (nay là Chi nhánh Thăng Long) và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1; các phụ lục Hợp đồng số 01/2013/SB5-PLHĐTD ngày 25/7/2013, số 02/2013/SB5-PLHĐTD ngày 30/8/2013 và số 03/2015/SB5-PLHĐTD ngày 30/3/2015;
- 9) Hợp đồng Thế chấp Bất động sản số 01/2009/SB5-HĐTCBĐS ngày 14/8/2009;
- 10) Hợp đồng Thế chấp Bất động sản và Quyền tài sản số 02/2009/SB5-HĐTCĐS ngày 01/8/2009;
- 11) Hợp đồng Mua bán điện số 03/2013/HĐ-NMĐSB5 giữa Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ký ngày 28/3/2013 và các phụ lục sửa đổi bổ sung: Số 01 ký ngày 27/02/2015, số 02 ký ngày 18/01/2017, số 03 ký ngày 28/02/2018, số 04 ký tháng 03/2018, số 05 ký tháng 09/2018, số 07 ký tháng 08/2019 và số 08 ký tháng 04/2020;
- 12) Nghị quyết số 408/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P3 ngày 10/10/2012 của HĐQT Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 về việc Quyết định thành lập Nhà máy thủy điện Sông Bung 5;
- 13) Văn bản số 38/CNTLG ngày 28/5/2018 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long về chủ trương bán Dự án thủy điện Sông Bung 5;
- 14) Quyết định số 201/QĐ-TVĐ1-HĐQT ngày 29/6/2018 của HĐQT Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5, tỉnh Quảng Nam;
- 15) Nghị quyết số 01/2021/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 về việc thông qua giá khởi điểm đấu giá lại và Phương án bán tài sản Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.;
- 16) Xác nhận số dư tiền vay theo Hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009 tại thời điểm 31/12/2020 và tại thời điểm 30/4/2021 của VietinBank.

Phụ lục 2: Phương án sử dụng lao động

Phụ lục 3: Mô tả kỹ thuật

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung công bố thông tin
Tổ chức có tài sản đầu giá
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Đại diện là ông: Nguyễn Hữu Chính

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

II. Các từ viết tắt

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

- Công ty hoặc PECC1 : Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1
- NMTĐSB5 : Nhà máy thủy điện Sông Bung 5
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn

III. Căn cứ pháp lý

Bao gồm các tài liệu liệt kê tại Phụ lục 1 và các tài liệu sau đây:

- 1) Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập bởi PECC1 ngày 31/03/2018;
- 2) Báo cáo Kiểm toán quyết toán số 367A-18/BC-XD/ĐT-VAE ngày 08/05/2018 Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;
- 3) Báo cáo Thăm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập bởi PECC1 ngày 31/05/2018;
- 4) Báo cáo kiểm tra số liệu quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 ngày 31/05/2018 của Tổ kiểm tra số liệu quyết toán EVN;
- 5) Nghị quyết số 238/NQ-HĐTV ngày 28/06/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5;
- 6) Nghị quyết số 01/2018/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về việc thông qua báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5;
- 7) Báo cáo pháp lý số 25-08/2018/BCPL/VL/TV1 ngày 25/08/2018 của Công ty Luật TNHH Vina Legal;
- 8) Chứng thư thẩm định giá số 154/CTTĐG/AVA-NV2 ngày 31/3/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) về kết quả thẩm định giá trị tài sản Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 tại thời điểm 31/12/2020;
- 9) Nghị quyết số 01/2021/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 đã thông qua giá khởi điểm đầu giá và Phương án bán tài sản Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.

IV. Các nhân tố rủi ro

Nhà đầu tư nên xem xét kỹ lưỡng các vấn đề cần quan tâm nêu dưới đây ngoài những thông tin khác được cung cấp trong Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua tài sản NMTĐSB5. Việc một hoặc nhiều rủi ro nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của NMTĐSB5 và có thể ảnh hưởng đến giá trị tài sản. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng không chắc chắn khác mà NMTĐSB5 hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào NMTĐSB5.

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động sản xuất kinh doanh của NMTĐSB5 chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ cũng như chính sách phát triển Ngành Điện.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo Tổng cục thống kê, năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng với tốc độ tăng GDP ước tính đạt 2,91%. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công, với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng đạt tốc độ tăng cao nhất với 3,98%.

Quý I/2021, Kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì ổn định và đạt được những kết quả tích cực trên các lĩnh vực. Nền kinh tế đạt mức tăng trưởng 4,48%, đây là mức tăng trưởng khá so với các nước trong khu vực và trên thế giới, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp.

Tuy vậy, kinh tế Việt Nam năm 2021 vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi tình hình kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp, khó lường; dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp; các hoạt động sản xuất, cung ứng và lưu chuyển thương mại, hàng không, lao động và việc làm bị đình trệ, gián đoạn. Bên cạnh đó là năng suất lao động ở Việt Nam vẫn ở mức thấp, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm tăng...

1.2. Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có ảnh hưởng đến mọi chủ thể trong nền kinh tế. Lạm phát tăng cao sẽ kéo theo sự gia tăng của nguyên nhiên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất, quản lý, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính.

Cũng theo Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm trước, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2020 dưới 4% của Quốc Hội đề ra trong bối cảnh một năm với nhiều biến động khó lường. Lạm phát cơ bản tháng 12/2020 tăng 0,07% so với tháng trước và tăng 0,99% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng

2,31% so với bình quân năm 2019. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý 1/2021 tăng 0,29%, lạm phát được kiểm soát ở mức tăng thấp 0,67%.

1.3. Rủi ro lãi suất

Theo Tổng cục Thống kê, mặt bằng lãi suất cho vay trong năm 2020 được NHNN điều chỉnh giảm để hỗ trợ doanh nghiệp. Trong năm 2020, NHNN đã liên tiếp điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi suất, tổng mức giảm 1,5-2,0%/năm đối với lãi suất điều hành, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho TCTD, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại có thể giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng phục hồi sản xuất kinh doanh. NHNN đã giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng; giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên của TCTD đối với khách hàng với tổng mức giảm là 1,5%/năm (hiện ở mức 4,5%/năm).

2. Rủi ro đặc thù

Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 phải cạnh tranh trực tiếp với các đơn vị phát điện trên thị trường. Việc thị trường điện cạnh tranh đi vào vận hành cùng với các đơn vị sản xuất điện lớn trên thị trường như EVNGENCO 1, 2, 3, PVPOWER, Sông Bung 2, 3, 4, 6..., NMTĐSB5 sẽ phải cạnh tranh về giá và yếu tố liên quan với các nhà đầu tư khác để phát điện.

Sự hoạt động của các nhà máy thủy điện phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm, làm lượng tích nước trong hồ thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy.

Cụ thể trong năm 2015 do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino nên diễn biến thủy văn của các hồ thủy điện cả nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các hồ trên địa bàn từ Thanh Hóa trở vào. Thống kê cho thấy tổng lượng nước về các hồ này thiếu hụt từ 40 – 60% so với trung bình nhiều năm, nhiều hồ trong suốt mùa mưa không xuất hiện lũ.

Trong các tháng đầu năm 2016 hiện tượng El Nino vẫn tiếp diễn kéo theo tình hình thủy văn hầu hết các hồ chứa khu vực miền trung, miền Nam tiếp tục kém. Để đảm bảo cung cấp điện cho mùa khô 2016, các nhà máy thủy điện trên các khu vực này hầu như chỉ vận hành theo các ràng buộc nước hạ du. Tuy nhiên, từ cuối năm 2016 hiện tượng Lanina lại khiến cho lượng mưa thiếu hụt tại khu vực miền Bắc so với trung bình nhiều năm, trong khi khu vực Trung trung Bộ và miền Nam tăng lên, do đó ảnh hưởng tới hoạt động của các thủy điện miền Bắc và tạo thuận lợi cho các thủy điện Miền Trung và miền Nam.

Năm 2017, công tác sản xuất điện gặp nhiều khó khăn, thách thức rất lớn do diễn biến bất thường, khắc nghiệt của thời tiết, số lượng cơn bão có ảnh hưởng đến nước ta đạt mức kỷ lục trong vòng 20 năm qua (16 cơn bão). Cùng với đó, trong một số thời điểm, nắng nóng cực đoan trên diện rộng diễn ra ở hầu khắp các tỉnh, thành phố khu vực miền Bắc và miền Trung, nhu cầu tiêu thụ điện tăng đột biến. Hệ thống điện truyền tải 500 kV luôn phải vận hành ở mức tải cao, nhằm đảm bảo cung cấp điện cho miền Nam. Trong khi đó, yêu cầu về chất lượng điện năng, đảm bảo an ninh cung cấp điện cũng ngày càng tăng cao... Tình hình thời

tiết trong năm 2017 diễn biến khá khác biệt so với trung bình nhiều năm, lượng mưa ở mức cao hơn nhiều so với trung bình nhiều năm, trong tháng 5/2017 đã xuất hiện lũ vượt báo động III. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm chủ yếu là hiện tượng mưa dông. Hiện tượng ENSO có xu hướng duy trì ở trạng thái trung tính vào năm 2017, khả năng xuất hiện El Nino tiếp tục giảm so với các dự báo trước đây.

Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Quốc gia dự báo, khả năng ENSO sẽ tiếp tục duy trì ở trạng thái La Nina trong khoảng bốn, năm tháng đầu năm 2021, sau đó chuẩn nhiệt độ mặt nước biển tại khu vực trung tâm Thái Bình Dương (khu vực Nino3.4) có khả năng tăng dần và nhiều khả năng chuyển sang trạng thái trung tính vào các tháng cuối nửa cuối năm 2021. Tổng lượng mưa 6 tháng đầu năm 2021 có xu hướng xấp xỉ đến thấp hơn TBNN; Trong 6 tháng cuối năm 2021 lượng mưa có xu hướng gia tăng trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt mưa nhiều hơn so với trung bình ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào tháng 7-9/2021 và từ tháng 10-12/2021 ở khu vực Trung Bộ.

Do đó, việc rủi ro do các yếu tố bất lợi về thời tiết, thủy văn làm ảnh hưởng lớn và không lường trước được đối với tình hình sản xuất kinh doanh của các nhà máy thủy điện nói chung và NMTĐSB5 nói riêng.

3. Rủi ro pháp lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của NMTĐSB5 chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm Luật đấu thầu, Luật điện lực, các chính sách thuế... Do hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra và có thể tạo điều kiện thuận lợi hoặc có ảnh hưởng không tốt cho hoạt động kinh doanh của NMTĐSB5.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác bao gồm thảm họa tự nhiên, động đất, bão lụt, cháy, chiến tranh... sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp. Các rủi ro trên hiếm khi xảy ra nhưng nếu xuất hiện sẽ gây ra các hậu quả nghiêm trọng cho hoạt động kinh doanh của NMTĐSB5.

V. Giới thiệu về Chủ sở hữu Dự án NMTĐSB5

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1
- Tên tiếng Anh: Power Engineering Consulting Joint Stock Company 1
- Tên viết tắt: PECC1
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11/05/2021.
- Vốn điều lệ: 266.913.190.000 đồng
- Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 38544270

- Số fax: (84-24) 38541208

- Website: <http://www.pecc1.com.vn>.

- Ngành nghề kinh doanh chính:

+ Khảo sát, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; lập quy hoạch công trình năng lượng; tư vấn, thiết kế, quản lý dự án, thẩm tra, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt; tổng thầu thiết kế, xây dựng, mua sắm và cung cấp thiết bị; quan trắc, kiểm định chất lượng công trình; lập, thẩm tra, đánh giá, giám sát môi trường đối với: Công trình dân dụng, Công trình công nghiệp, Công trình năng lượng, Công trình hạ tầng kỹ thuật, Công trình giao thông, Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công trình xử lý môi trường.

+ Đầu tư, sản xuất, kinh doanh điện năng.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

PECC1 được hình thành và phát triển liên tục trên 50 năm lịch sử, có tiền thân là Viện thiết kế Tổng hợp (thành lập năm 1960). Năm 1982, Công ty Khảo sát và thiết kế điện được thành lập trên cơ sở hợp nhất Viện thiết kế điện, Trung tâm nghiên cứu và thiết kế thủy điện và Công ty khảo sát địa chất thủy lợi. Năm 1988, Công ty được đổi tên thành Công ty khảo sát thiết kế điện I. Năm 1999 được đổi tên thành Công ty Tư vấn xây dựng Điện I. Năm 2008, Công ty chuyển đổi mô hình thành Công ty cổ phần. Hiện nay, Công ty là một công ty đại chúng được niêm yết, có vốn điều lệ là 266,913 tỷ đồng, trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm cổ phần chi phối với tỷ lệ 54,34%. Cổ phiếu của Công ty (mã TV1) hiện được niêm yết trên hệ thống giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

PECC1 có 04 công ty con là các công ty TNHH MTV do PECC1 nắm giữ 100 % vốn điều lệ. Ngoài ra, PECC1 là chủ đầu tư dự án nhà máy thủy điện Sông Bung 5 theo hình thức đầu tư: xây dựng - sở hữu - kinh doanh.

2. Mối quan hệ với Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

PECC1 là chủ sở hữu duy nhất của Dự án NMTĐSB5. Nhà máy được thành lập theo Quyết định số 408/QĐ-TVD1-HDQT-P3 ngày 10/10/2012 của HĐQT PECC1.

Nhà máy hoạt động theo mô hình hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ.

VI. Tình hình và đặc điểm của Dự án NMTĐSB5

1. Thông tin chung

- Tên tài sản: Nhà máy thủy điện Sông Bung 5
- Địa chỉ nhà máy: xã Ma Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.
- Thông tin về nhà máy:

NMTĐSB5 thuộc bậc thang thủy điện hệ thống sông Vu Gia-Thu Bồn tỉnh Quảng Nam đã được Bộ Công Thương phê duyệt hiệu chỉnh tại Quyết định số 1438/QĐ-BCT ngày 10/3/2008.

NMTĐSB5 được xây dựng trên Sông Bung nằm ở hạ lưu 2 dự án thủy điện A Vương và Sông Bung 4. Tuyến đập nằm trên địa bàn thị trấn Thạnh Mỹ huyện

Nam Giang và xã Ma Cooih huyện Đông Giang tỉnh Quảng Nam, thuộc miền Trung có toạ độ: 15°48'31" vĩ độ Bắc; 107°44'44" kinh độ Đông. Dự án được xây dựng với nhiệm vụ chính là phát điện với công suất 57 MW cho mạng lưới điện Quốc gia, với sản lượng điện hằng năm 187,06 triệu kWh¹.

- Dự án được UBND tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận đầu tư số 22/CN-UBND ngày 11/5/2009 với tổng mức đầu tư là 1.371.478.800.000 đồng trong đó vốn tự có của Công ty là 411.443.400.000 đồng; vốn vay thương mại là 960.034.600.000 đồng.
- Tổng dự toán được duyệt: 1.367.080.780.000 đồng.
- Địa điểm thực hiện: Xã Mà Cooih, huyện Đông Giang và thị trấn Thạch Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.
- Quy mô công trình: Cấp II.
- Diện tích đất sử dụng: 257,02 ha.
- NMTĐSB5 được khởi công xây dựng từ tháng 06/2009 và đã phát điện lên lưới điện Quốc gia:
 - + Tổ máy 1: từ ngày 25/12/2012;
 - + Tổ máy 2: từ ngày 17/7/2013.

2. Mô tả kỹ thuật NMTĐSB5

2.1. Các hạng mục chính của NMTĐSB5:

NMTĐSB5 bao gồm các hạng mục chính sau đây: công trình xả, cửa lấy nước, đường ống áp lực, công trình dẫn dòng thi công, nhà máy thủy điện, cửa xả hạ lưu, trạm phân phối điện và tuyến đường dây 110kV cung cấp điện tới trạm biến áp 220/110kV Thạch Mỹ.

- Hồ chứa được hình thành bởi đập dâng có mực nước dâng bình thường là 60,00m và mực nước chết là 58,50m so với mực nước biển, dung tích hữu ích khoảng 2,45 triệu m³.
- Công trình xả bao gồm 06 cửa van cung xả mặt, vận hành bằng các xy lanh thủy lực. Các cửa van cung xả mặt được trang bị chung một cửa van phẳng sửa chữa, nâng hạ bằng cầu trục chân dê.
- Hạng mục công trình cống dẫn dòng thi công, được chia thành bốn (04) khoang tại phía đầu vào bằng các trụ bê tông ở giữa, mỗi khoang cống dẫn dòng có kích thước thông thủy Cao x Rộng = 5,0m x 7,0m. Cống dẫn dòng được trang bị hai (02) bộ cửa van kiểu phẳng trượt, các cửa van được vận hành đóng mở bằng xi lanh thủy lực. Hạng mục này chỉ được sử dụng trong thời gian thi công công trình.
- Hạng mục cửa lấy nước bao gồm hai cửa lấy nước; mỗi cửa lấy nước được chia thành hai khoang, mỗi khoang được bố trí một (01) cửa van vận hành, đóng mở bằng máy nâng thủy lực. Để sửa chữa, tại cửa lấy nước được trang bị hai (02) cửa van sửa chữa, kiểu phẳng trượt được nâng hạ bằng cầu trục chân dê.

¹ Phê duyệt tại văn bản số 8880/BCT-DL ngày 21/11/2019 của Bộ Công Thương.

Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

- Đường dẫn nước vào tuốc bin gồm hai (02) tuyến đường hầm bê tông dài khoảng 28m nối từ cửa nhận nước đến nhà máy.
- Nhà máy thủy điện bao gồm hai (02) máy phát công suất 28,5MW-10,5kV được nối trực tiếp với hai (02) tuốc bin Kaplan. Mỗi máy phát sẽ được đấu nối với một máy biến áp ba pha, công suất 31,5MVA, nâng điện áp máy phát từ 10,5kV lên điện áp 110kV. Các máy biến áp sẽ được đấu nối với trạm phân phối điện ngoài trời bằng hai lộ đường dây trên không. Năng lượng sẽ được chuyển từ trạm phân phối của nhà máy vào TBA 220/110kV Thạnh Mỹ theo một tuyến đường dây 110kV.
- Cửa xả hạ lưu nhà máy thủy điện được trang bị bốn (04) cửa van phẳng trượt, được nâng hạ bằng cầu trục chân dê.

2.2. Các thông số chính của nhà máy

STT	Tên gọi	Đơn vị	Thông số
I	Hệ thống sông		Sông Bung
II	Thủy văn		
1	Diện tích lưu vực FLV	km ²	2.369
2	Lưu lượng bình quân năm	m ³ /giây	118.13
3	Lưu lượng đỉnh lũ P=0,1%	m ³ /giây	16991
III	Hồ chứa		
1	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	60
2	Mực nước chết (MNC)	m	58.5
3	Dung tích toàn bộ hồ chứa	10 ⁶ m ³	20.27
4	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	2.45
IV	Đập dâng nước		
1	Loại đập		Đập bê tông trọng lực thường
2	Cao trình đỉnh đập	m	68
3	Chiều dài đập theo đỉnh	m	158.87
4	Chiều cao đập lớn nhất	m	41,5
V	Đập tràn		
1	Kiểu tràn		Bê tông cốt thép
2	Số lượng cửa van	Cái	6
3	Cao trình ngưỡng	m	45
4	Kích thước thông thủy (rộngxcao)	m x m	13,0 x 15,7
VI	Cửa lấy nước		
1	Kiểu		Bê tông cốt thép
2	Cửa van vận hành	Cái	4
3	Cửa van sửa chữa	Cái	2

Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

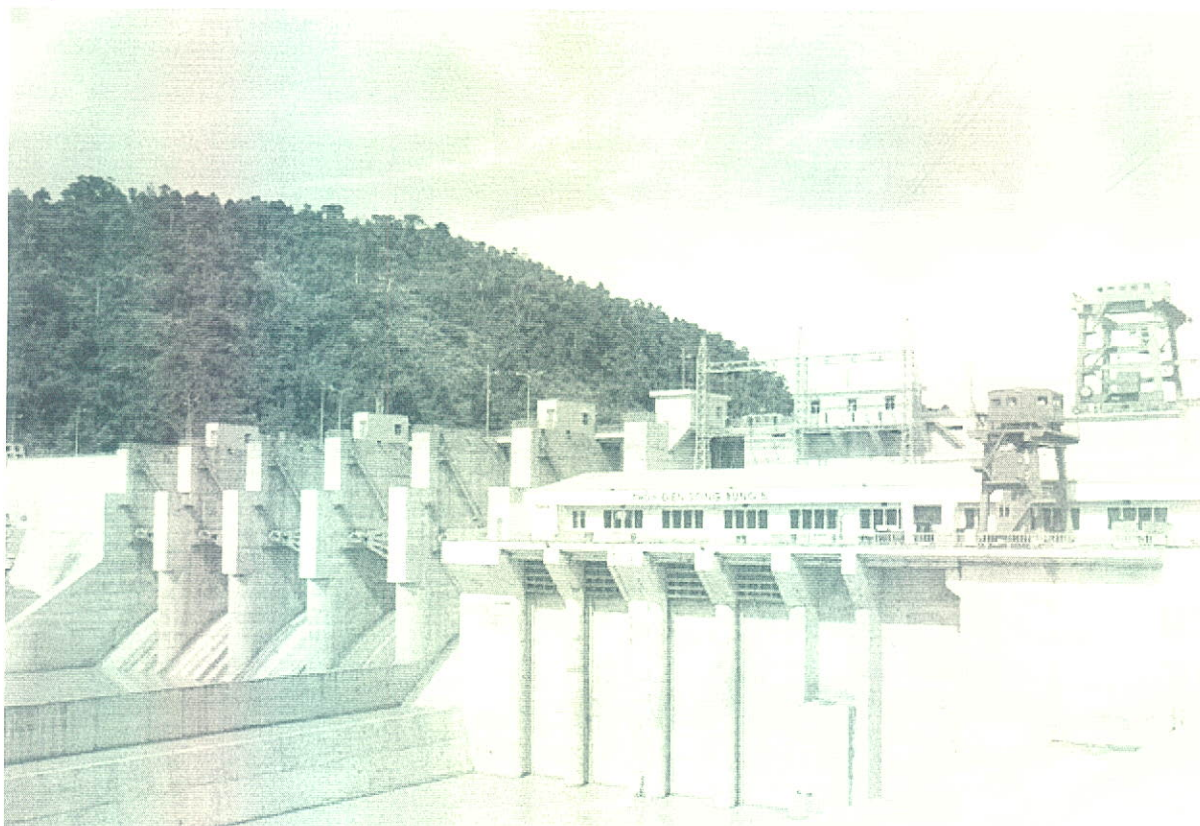
STT	Tên gọi	Đơn vị	Thông số
4	Cao trình ngưỡng đáy	m	46
5	Kích thước thông thủy (rộngxcao)	m x m	4,10x8,00
VII	Cống dẫn dòng		
1	Kiểu		Bê tông cốt thép
2	Số cửa van	Cái	2
3	Cao trình ngưỡng	m	28
4	Kích thước thông thủy (rộngxcao)	m x m	5,0 x 7,0
VIII	Đường ống dẫn nước		
1	Kiểu		Bê tông
2	Số lượng	Tuyến	2
3	Kích thước thông thủy (rộngxcao)	m	4,1x5,4
4	Chiều dài	m	28
5	Lưu lượng thiết kế	m ³ /giây	217
IX	Nhà máy thủy điện		
1	Kiểu		kiểu hở, sau đập
2	Lưu lượng thiết kế tối đa	m ³ /giây	217
3	Mực nước hạ lưu lớn nhất (P=0,1%)	m	52,08
4	Mực nước hạ lưu nhỏ nhất	m	30,7
5	Cao trình sàn lắp máy	m	41,25
6	Cao trình sàn gian máy	m	35
7	Cao trình đặt tuốc bin	m	23,95
8	Kích thước nhà máy (dài x rộng) khoảng	m x m	63 x 17,8
9	Cột nước tính toán H _{tt}	m	27
10	Cột nước lớn nhất H _{max}	m	29,5
11	Cột nước nhỏ nhất H _{min}	m	16,5
12	Cột nước trung bình H _{tb}	m	27,7
13	Công suất lắp máy	MW	57
14	Công suất đảm bảo	MW	14,33
15	Kiểu tua bin		Kaplan
16	Số tổ máy	tổ	2
17	Điện lượng trung bình hàng năm	10 ⁶ kWh	187,06
X	Cửa ống xả		
1	Số cửa van	cái	4
2	Cao trình ngưỡng đáy	m	16,15
3	Kích thước (rộng x cao)	m x m	4,2 x 4,2

Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

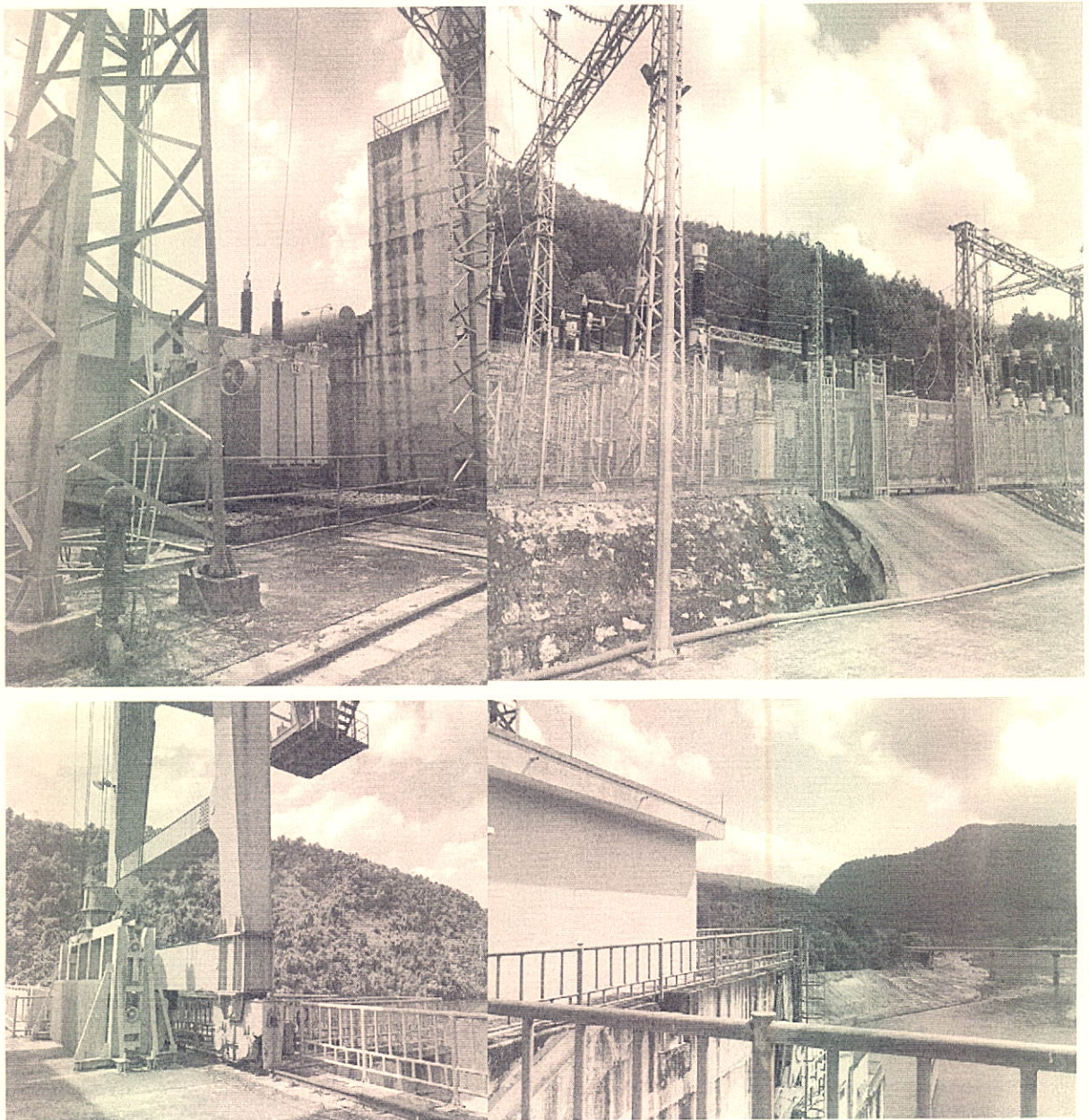
STT	Tên gọi	Đơn vị	Thông số
XI	Trạm phân phối		
1	Kiểu		Trạm hở
2	Cấp điện áp	kV	110
3	Cao trình trạm	m	55
4	Kích thước trạm	m x m	42.0x33.0

Mô tả kỹ thuật (gồm cả phần thiết bị) của NMTĐSB5 được thể hiện chi tiết tại Phụ lục số 3 kèm theo Bản công bố thông tin này.

Một vài hình ảnh của NMTĐSB5:



Hình ảnh bên ngoài của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5



3. Các hợp đồng vay vốn, thế chấp với Ngân hàng

NMTĐSB5 được đầu tư bằng nguồn vốn vay thương mại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/8/2009 (và các phụ lục số 01/2013/SB5-PLHĐTD ngày 25/7/2013, phụ lục số 02/2013/SB5-PLHĐTD ngày 30/8/2013, phụ lục số 03/2015/SB5-PLHĐTD ngày 30/3/2015) và nguồn vốn đối ứng của Công ty. Cụ thể nêu tại mục VI.5.1.

Tài sản hình thành từ dự án đang là tài sản đảm bảo thế chấp theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ký ngày 14/8/2009 với Ngân hàng:

- Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2009/SB5-HĐTCBĐS ngày 14/8/2009.
- Hợp đồng thế chấp Bất động sản và Quyền tài sản số 02/2009/SB5-HĐTCĐS ngày 01/8/2009.

4. Chức năng, nhiệm vụ của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

Căn cứ theo Quyết định 408/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P3 ngày 10/2/2012 của Hội đồng quản trị PECCI, NMTĐSB5 có các chức năng và nhiệm vụ sau:

a) Chức năng

Quản lý, vận hành công trình thủy điện Sông Bung 5 hoạt động phát điện.

b) Nhiệm vụ:

- Công tác vận hành, khai thác:

+ Trực tiếp quản lý các hạng mục công trình nhà máy thủy điện Sông Bung 5 (Công trình);

+ Vận hành Công trình sản xuất điện năng theo phương thức vận hành được phê duyệt;

+ Tuân thủ các quy định về điều độ và vận hành nhà máy điện theo Quy định hệ thống truyền tải, Quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh, Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện và các văn bản có liên quan;

+ Phối hợp với đơn vị tư vấn trong quá trình giám sát sản lượng điện và thẩm tra Giám phát thải theo quy định.

- Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh

Lập kế hoạch mua bán điện; kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa; kế hoạch vật tư theo tháng, quý, năm trình PECCI phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

- Công tác tài chính, hạch toán kế toán

+ Xây dựng kế hoạch chi phí vật tư, nhân công, máy móc thiết bị, quản lý hành chính... hàng năm;

+ Tổng hợp hồ sơ bán điện, báo cáo PECCI để PECCI gửi Thông báo thanh toán tiền điện cho Khách hàng mua điện.

- Công tác tổ chức cán bộ, lao động và đào tạo:

+ Trình PECCI xem xét, quyết định thành lập và giải thể các bộ phận trực thuộc;

+ Xây dựng phương án quy hoạch cán bộ, chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với các bộ phận trực thuộc và tổ chức thực hiện;

+ Lập kế hoạch, trình PECCI phê duyệt và tổ chức thực hiện về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên.

- Công tác tiền lương

+ Lập kế hoạch, trình PECCI phê duyệt kế hoạch tiền lương và tổ chức thực hiện;

+ Xây dựng, trình PECCI phê duyệt hệ thống tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công việc, định mức lao động và quy chế trả lương, trả thưởng.

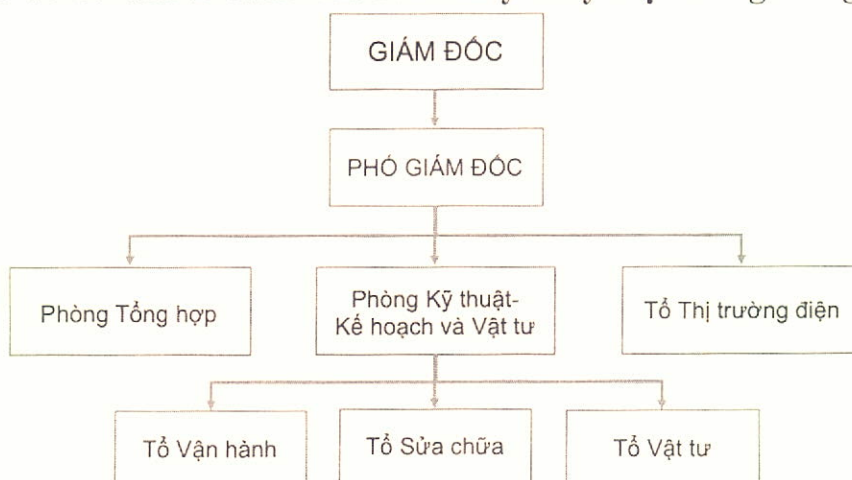
- Công tác quản lý kỹ thuật sản xuất và kỹ thuật an toàn

+ Tổ chức thực hiện các quy trình vận hành, xử lý sự cố các thiết bị, các hệ thống kỹ thuật của PECCI, các quy trình, quy phạm khác của cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan;

- + Xây dựng kế hoạch đảm bảo công tác an toàn sản xuất, môi trường, phòng chống cháy nổ của công trình, trình PECCI phê duyệt để thực hiện;
- + Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra định kỳ và đột xuất về công tác an toàn; chỉ đạo kiểm tra việc thử nghiệm các trang thiết bị, dụng cụ an toàn;
- + Tìm mọi biện pháp khắc phục nhanh chóng các sự cố làm ảnh hưởng đến công tác sản xuất điện, báo cáo theo quy định. Đối với các sự cố lớn, nghiêm trọng vượt quá khả năng giải quyết thì kịp thời báo cáo PECCI xem xét, quyết định;
- + Tổ chức điều tra các vụ tai nạn lao động. Tham gia điều tra sự cố thiết bị, tìm rõ nguyên nhân để khắc phục, đề xuất biện pháp phòng ngừa. Thống kê tai nạn, sự cố thiết bị theo quy định của PECCI và các tổ chức có liên quan;
- + Xây dựng chương trình ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào sáng kiến, cải tiến; thường xuyên cập nhật, trình PECCI phê duyệt ban hành áp dụng vào hoạt động kinh doanh của Nhà máy.
- Công tác sửa chữa, quản lý và cung cấp vật tư:
 - + Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và định kì các thiết bị công nghệ của công trình thủy công và nhà máy thủy điện;
 - + Giám sát công trình thủy công, phát hiện và sửa chữa những hư hỏng nhỏ của công trình;
 - + Lập phương án kỹ thuật, tiến độ, dự toán công tác sửa chữa lớn thiết bị, hạng mục xây dựng công trình, trình PECCI xem xét phê duyệt; chủ trì nghiệm thu công tác sửa chữa lớn.
- Liên hệ, phối hợp với các dự án trong bậc thang để vận hành an toàn, hiệu quả Công trình.
- Giải quyết các mối quan hệ với địa phương, các đơn vị trong và ngoài ngành... trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được PECCI giao.

4.2. Cơ cấu tổ chức Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5



Chức năng nhiệm vụ các phòng ban

a) Giám đốc Nhà máy

Giám đốc nhà máy thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Nhà máy thủy điện theo Quyết định 408/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P3 ngày 10/2/2012 và theo sự chỉ đạo của Tổng giám đốc PECCI;

b) Phó giám đốc Nhà máy

Phó giám đốc nhà máy chịu sự phân công nhiệm vụ của Giám đốc Nhà máy thủy điện Sông bung 5 để thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Nhà máy thủy điện theo Quyết định 408/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P3 ngày 10/2/2012 và theo sự chỉ đạo của Tổng giám đốc PECCI

c) Các phòng ban và Tổ vận hành, tổ sửa chữa, tổ thị trường điện, tổ vật tư

Các phòng ban và các Tổ vận hành, tổ thị trường điện, tổ vận hành, tổ sửa chữa, tổ vật tư thực hiện công việc theo sự phân công nhiệm vụ của Giám đốc Nhà máy.

5. Tình hình quyết toán dự án

Dự án Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 đã được PECCI lập báo cáo quyết toán, thẩm định và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam tại Báo cáo kiểm toán số 367A-18/BC-XD/ĐT-VAE ngày 08/05/2018.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty đã thông qua báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018. Theo đó, HĐQT Công ty đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 tại Quyết định số 201/QĐ-TVĐ1-HĐQT ngày 29/06/2018 với các nội dung chính như sau:

5.1. Nguồn vốn đầu tư

Vốn đầu tư Dự án được cơ cấu từ nguồn vốn vay thương mại từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/8/2009; và nguồn vốn đối ứng của Công ty. Cụ thể số liệu tại thời điểm quyết toán (31/3/2018) như sau:

Đơn vị: Đồng

Tên nguồn vốn	Theo Quyết định đầu tư	Thực hiện (bao gồm VAT)	
		Kế hoạch	Đã thanh toán
Vốn vay thương mại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	960.034.600.000	960.034.600.000	608.869.443.756
Vốn đối ứng:	411.443.400.000	411.443.400.000	482.693.278.240
- Vốn tự có			255.226.057.944
- Vốn khác			227.467.220.296
Tổng cộng	1.371.478.000.000	1.371.478.000.000	1.091.562.721.996

5.2. Chi phí đầu tư Dự án được quyết toán

Đơn vị: Đồng

Tổng chi phí đầu tư theo giá trị quyết toán	Dự toán được duyệt (bao gồm cả thuế)	Giá trị bao gồm thuế VAT	Giá trị trước thuế
1. Chi phí xây dựng	555.373.772.232	488.163.524.103	443.823.896.478
2. Chi phí thiết bị	501.530.100.443	378.468.015.301	367.150.551.751
3. Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	25.521.704.800	22.510.121.972	21.533.606.409
4. Chi phí tư vấn ĐTXD	62.588.548.136	48.972.703.169	47.336.726.763
5. Chi phí quản lý dự án	16.767.930.625	16.764.400.473	16.756.795.508
6. Chi phí lãi vay	142.742.303.241	135.733.213.386	135.733.213.386
7. Chi phí khác	50.434.266.637	41.508.506.495	39.170.142.829
8. Dự phòng	12.122.163.225	0	0
Tổng cộng	1.367.080.789.339	1.132.120.484.899	1.071.504.933.125

5.3. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: 422.667.420 đồng.

5.4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

- Tài sản dài hạn (cố định): 1.053.479.989.185 đồng;
- Tài sản ngắn hạn : 17.602.276.520 đồng.

Tổng cộng: 1.071.082.265.705 đồng.

6. Tình hình đất đai và các công trình xây dựng thuộc NMTĐSB5

Thực trạng về tình hình đất đai và các công trình xây dựng do Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 hiện đang quản lý và sử dụng như sau:

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Xã Mà Cooih, huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam	1.270.421m ² (Trong đó: Diện tích đất không có mặt nước là 411.836m ² , diện tích đất có mặt nước là 858.585m ²)	Xây dựng nhà máy thủy điện Sông Bung 5	Hợp đồng thuê đất số 312/HĐTD ngày 2/12/2009 giữa CTCP tư vấn Xây dựng điện 1 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam

Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý
2	Thị trấn Thạnh Mỹ, Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	925.153m ² (Trong đó: Diện tích đất không có mặt nước: 202.168m ² , diện tích đất có mặt nước: 722.985m ²)	Xây dựng nhà máy thủy điện Sông Bung 5	-Hợp đồng thuê đất số 312/HĐTD ngày 2/12/2009 giữa CTCP tư vấn Xây dựng điện 1 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam

7. Tình hình lao động

Tình hình lao động của NMTĐSB5 tại thời điểm công bố thông tin:

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	43	100%
- Trên đại học	2	5%
- Đại học	16	37%
- Cao đẳng, Trung cấp	18	42%
- Công nhân kỹ thuật	1	2%
- Lao động phổ thông	6	14%
Phân theo loại hợp đồng lao động	43	100%
- Hợp đồng không thời hạn	35	81%
- Hợp đồng có xác định thời hạn	2	5%
- Hợp đồng thời vụ	6	14%

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Từ khi được đưa vào vận hành tới nay, nhà máy vận hành ổn định, không xảy ra sự cố và đã đóng góp tích cực vào hệ thống lưới điện Quốc gia, góp phần xoá đói giảm nghèo vùng miền núi. Giai đoạn 2013-2016, do biến đổi khí hậu, rơi vào chu kỳ khô hạn và một số nhà máy thủy điện tại bậc thang trên tích nước hồ chứa, doanh thu bán điện của NMTĐSB5 chưa đạt được sản lượng điện theo thiết kế. Năm 2017 nhà máy đã đạt sản lượng điện 250GWh, vượt 20% so với sản lượng thiết kế. Tổng hợp sản lượng, doanh thu của NMTĐSB5 như sau:

STT	Năm vận hành	Sản lượng điện (kWh)			Tổng doanh thu (đồng)
		Sản lượng theo giá Hợp đồng MBD	Sản lượng tham gia TTĐCT	Tổng sản lượng	
1	2012	684.000		684.000	675.463.680
2	2013	174.258.800		174.258.800	172.256.656.581
3	2014	125.089.659	840.341	125.930.000	127.979.191.590

Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

STT	Năm vận hành	Sản lượng điện (kWh)			Tổng doanh thu (đồng)
		Sản lượng theo giá Hợp đồng MBD	Sản lượng tham gia TTĐCT	Tổng sản lượng	
4	2015	136.380.058	15.333.200	151.713.258	158.862.802.478
5	2016	152.543.298	16.955.958	169.499.256	173.691.307.246
6	2017	230.161.725	19.856.904	250.018.629	255.318.617.833
7	2018	125.090.686	21.336.093	146.426.779	162.054.478.761
8	2019	70.749.362	18.632.615	89.381.977	81.544.708.360
9	2020	163.102.982	18.367.666	181.470.648	178.510.583.828
10	T1-4/2021	40.335.943	4.530.070	44.866.013	44.984.850.605

9. Các khoản nợ, vay của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5**a) Hợp đồng tín dụng với VietinBank**

Đến thời điểm 31/12/2020, số dư khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thăng Long là **446.149.443.756 đồng**.

Tại thời điểm 30/4/2021, số dư khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thăng Long là **425.534.443.756 đồng**.

b) Nợ phải thu/nợ phải trả các nhà thầu

Nợ phải thu/ phải trả các nhà thầu thực hiện thi công xây dựng dự án là (tại thời điểm công bố thông tin):

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Số phải thu	Số phải trả
1	Phải trả nhà thầu CC47		3.214.303.684
2	Phải trả nhà thầu cung cấp thiết bị		24.683.966.484
3	Phải trả các nhà thầu khác		1,339,080,478
4	Phải thu nhà thầu khác	9.117.286.820	
5	Tổng phải trả, phải thu	9.117.286.820	29.237.350.656

Các khoản Nợ phải thu/phải trả này thuộc trách nhiệm của PECC1.

10. Ý kiến của ngân hàng cho vay vốn

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thăng Long (đơn vị ký Hợp đồng cho vay vốn tín dụng) đã đồng ý về chủ trương bán NMTĐSB5 tại văn bản số 38/CNTLG ngày 28/05/2018.

11. Các hợp đồng mua bán điện

NMTĐSB5 hiện đang bán điện lên lưới điện Quốc gia theo hợp đồng bán điện số 03-2013/HĐ-NMĐSB5 ngày 28/3/2013 và các phụ lục sửa đổi bổ sung số 05 ký tháng 9/2019, số 08 ngày 14/04/2020.

12. Phương án sắp xếp lao động sau khi bán Dự án

Bên mua NMTĐSB5 phải kế thừa toàn bộ đội ngũ lao động quản lý vận hành NMTĐSB5 đến thời điểm chuyển giao tài sản theo Phương án sử dụng lao động

do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 lập chi tiết tại Phụ lục 2 “Phương án sử dụng lao động” của Bản công bố thông tin này.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của NMTĐSB5

Không có

14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới NMTĐSB5 có thể ảnh hưởng tới giá trị chuyển nhượng

Không có

15. Triển vọng phát triển

Điện lực là ngành thiết yếu của nền kinh tế quốc dân, phục vụ sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của cộng đồng. Sự phát triển của ngành điện là nền tảng đối với sự phát triển của nền kinh tế nói chung và công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói riêng. Ngành điện là ngành chủ lực nằm trong chủ trương thúc đẩy GDP của chính phủ.

Theo quy hoạch điện VII điều chỉnh, nhằm cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm trong giai đoạn 2016 – 2030. Với mức tăng trưởng GDP 7,0%/năm, dự kiến nhu cầu sử dụng điện trên toàn quốc tăng trưởng bình quân 10,6%/năm, mục tiêu cụ thể phát triển nguồn điện như sau:

- Điện thương phẩm: Năm 2020 khoảng 235 - 245 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 352 - 379 tỷ kWh; năm 2030 khoảng 506 - 559 tỷ kWh.

- Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2020 khoảng 265 – 278 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 400 – 431 tỷ kWh và năm 2030 khoảng 572 – 632 tỷ kWh.

Cũng theo quy hoạch điện VII điều chỉnh, Tổng mức đầu tư cho ngành điện Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020 là 858,66 nghìn tỷ đồng (tương đương gần 40 tỷ USD, trung bình 7,9 tỷ USD/năm), giai đoạn 2021-2030 là 2.347,99 nghìn tỷ đồng (tương đương 108 tỷ USD, trung bình hơn 10,8 tỷ USD/năm), trong đó khoảng 74% giá trị là dành cho đầu tư nguồn điện. Do đó, nhu cầu vốn đầu tư trong thời gian tới rất cao và mang lại hiệu quả hấp dẫn.

Thực hiện lộ trình hình thành và phát triển thị trường điện theo Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị đưa Thị trường phát điện cạnh tranh chính thức vận hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2012. Từ đó đến nay, thị trường điện cạnh tranh đã đạt được các kết quả quan trọng. Tính đến hết tháng 03/2020, đã có 99 nhà máy với tổng công suất đạt khoảng 26.989 MW tham gia giao dịch trên thị trường điện, gấp hơn 3 lần so với thời điểm mới vận hành thị trường vào tháng 7 năm 2012 (chỉ có 31 nhà máy điện). Với số lượng các nhà máy điện tham gia thị trường điện không ngừng tăng trong suốt thời gian qua cũng như việc có thêm 05 Tổng công ty điện lực tham gia thị trường điện bán buôn điện cạnh tranh bắt đầu từ năm 2019 đã giúp tăng tính minh bạch, công bằng trong việc lập lịch, huy động các nhà máy điện, góp phần tối ưu toàn hệ thống, nâng cao hiệu quả sản xuất của các đơn vị, tạo động lực và sự tin tưởng của các nhà đầu tư.

Để tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy định về vận hành thị trường điện bán buôn cạnh tranh và kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh năm 2019, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 24/2019/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2019 (có hiệu lực bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2020) và cũng đã hoàn thành, ban hành đầy đủ 05 quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 24/2019/TT-BCT. Một trong những điểm mới của Thông tư số 24/2019/TT-BCT là việc xác định sản lượng hợp đồng và tỷ lệ sản lượng điện năng thanh toán theo giá hợp đồng, theo đó từ năm 2020, các đơn vị mua điện và đơn vị phát điện sẽ chủ động đàm phán, thống nhất và quy định tại hợp đồng mua bán điện về sản lượng hợp đồng năm (hoặc từng năm trong chu kỳ nhiều năm) và tỷ lệ sản lượng điện năng thanh toán theo giá hợp đồng của năm tiếp theo. Ngoài ra, Thông tư số 24/2019/TT-BCT cũng điều chỉnh một số nội dung liên quan đến vận hành các nhà máy năng lượng tái tạo và thủy điện để tạo điều kiện cho các loại hình nhà máy này vận hành linh hoạt hơn trong thị trường điện, đảm bảo cho các nhà máy thủy điện đáp ứng các ràng buộc quy trình liên hồ chứa do Thủ tướng Chính phủ quy định cũng như đáp ứng được các đặc thù về vận hành của các nhà máy điện mặt trời, điện gió. Việc sửa đổi, hoàn thiện, ban hành kịp thời các văn bản pháp lý đã tạo điều kiện để thị trường bán buôn điện cạnh tranh trong Quý 1 năm 2020 vận hành ổn định, đảm bảo thị trường điện được chuyển đổi, phát triển sang mô hình hoàn thiện theo đúng thiết kế chi tiết thị trường bán buôn điện cạnh tranh Việt Nam.

Ngày 7/8/2020, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 2093/QĐ-BCT phê duyệt Đề án Thiết kế mô hình thị trường bán lẻ điện cạnh tranh Việt Nam. Theo đó, khi chuyển sang cấp độ thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, trong đây chuyển từ sản xuất đến tiêu thụ điện năng của hệ thống điện sẽ bao gồm 2 phân khúc cạnh tranh mua bán điện, gồm cạnh tranh trong khâu bán buôn điện và cạnh tranh trong khâu bán lẻ điện. Tùy thuộc vào quy mô và cấp điện áp đầu nối, khách hàng sử dụng điện được lựa chọn mua điện theo mô hình mua điện trên thị trường giao ngay hoặc từ đơn vị bán lẻ điện. Theo Đề án, kế hoạch triển khai thị trường bán lẻ điện cạnh tranh được chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (đến hết năm 2021), tập trung vào các công tác chuẩn bị cho thị trường bán lẻ điện cạnh tranh như: triển khai thực hiện chuyển đổi Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia thành Công ty TNHH MTV vận hành hệ thống điện và thị trường điện; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Điện phục vụ thị trường bán lẻ điện cạnh tranh; rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh và các văn bản pháp luật liên quan để thí điểm cho phép các đơn vị phát điện năng lượng tái tạo ký hợp đồng trực tiếp cho các khách hàng sử dụng điện.

- Giai đoạn tiếp theo (từ năm 2022 đến năm 2024), cho phép khách hàng sử dụng điện mua điện trên thị trường điện giao ngay.

- Sau năm 2024, từng bước cho phép các khách hàng sử dụng điện sẽ được quyền lựa chọn đơn vị bán lẻ điện thay vì chỉ được mua từ 01 đơn vị bán lẻ duy nhất theo khu vực địa lý như trước đây.

Bên cạnh đó, để tiếp tục nâng cao hiệu quả của công tác vận hành hệ thống điện và thị trường điện, trong Quý 1 năm 2020, Cục Điều tiết điện lực đã tích cực đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và nguồn nhân lực cũng như tiến hành các bước thử nghiệm để chuẩn bị cho việc điều chỉnh giảm chu kỳ giao dịch và chu kỳ điều độ từ 60 phút xuống 30 phút theo định hướng tại Quyết định 8266/QĐ-BCT ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương. Hiện tại có khoảng 76% các đơn vị đã hoàn thiện các công tác chuẩn bị và đáp ứng được yêu cầu cho công tác trên. Việc giảm chu kỳ giao dịch và chu kỳ điều độ xuống 30 phút được đánh giá là một trong những bước tiến rất quan trọng của thị trường bán buôn điện cạnh tranh, góp phần đảm bảo cho hệ thống điện được vận hành an toàn, ổn định và tin cậy đặc biệt trong bối cảnh hệ thống điện ngày càng có nhiều các nhà máy điện gió và mặt trời (là những nhà máy khó dự báo được công suất phát) đầu nối vào hệ thống điện. Về thời điểm chính thức áp dụng việc điều chỉnh này, sau khi hoàn thiện các vấn đề còn tồn tại và xem xét tình hình diễn biến dịch Covid-19 cũng như các ảnh hưởng của dịch đến công tác vận hành hệ thống điện và thị trường điện, Cục Điều tiết điện lực sẽ có đánh giá và báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương để xem xét, thông qua.

Như vậy, các đơn vị phát điện sẽ có thêm cơ hội cạnh tranh, tối ưu hóa sản xuất và doanh thu. Đây là cơ hội và thách thức để Nhà máy dần khẳng định vị thế và giá trị của mình.

VII. Thông tin về cuộc đấu giá tài sản NMTĐSB5

1. Tên tài sản đấu giá: Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.

2. Giá khởi điểm đấu giá

Giá khởi điểm: 1.351.700.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn, ba trăm năm mươi một tỷ, bảy trăm triệu đồng chẵn).

(Chi tiết tại trang 1)

2.1. Phương thức bán và hình thức bán

- Về phương thức bán: Thực hiện đấu giá công khai theo Luật đấu giá tài sản;
- Về hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ tài sản Nhà máy Thủy điện Sông Bung 5 và tiếp nhận toàn bộ đội ngũ lao động quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Sông Bung 5 đến thời điểm chuyển giao tài sản theo Phương án sử dụng lao động do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 lập.

3. Tiền đặt trước khi tham dự đấu giá

Trước khi tham dự đấu giá, mỗi Người tham gia đấu giá phải đặt trước một khoản Tiền đặt trước/Bảo lãnh tiền đặt trước theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản.

4. Đối tượng tham gia đấu giá và điều kiện đối với nhà đầu tư tham gia đấu giá

Đối tượng tham gia đấu giá bao gồm các tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu mua tài sản, không phải đối tượng bị cấm theo quy định tại khoản 4 Điều 38

Luật đấu giá tài sản và đáp ứng các tiêu chí, điều kiện quy định tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản.

5. Tổ chức đấu giá tài sản

Tổ chức đấu giá tài sản là Công ty Đấu giá Hợp danh Quốc gia.

6. Thời gian, địa điểm, cách thức mua và nộp hồ sơ tham gia đấu giá

Chi tiết xem tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản.

7. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá

Người tham gia đấu giá có thể tìm hiểu các thông tin về tài sản đấu giá từ theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản. Việc xem tài sản đấu giá được thực hiện bằng cách xem giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản, xem tài sản đấu giá trên thực địa tại nơi có tài sản đấu giá, nếu thấy cần thiết.

8. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá tài sản

Chi tiết xem tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản.

9. Khoản tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá

Chi tiết xem tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản.

VIII. Các tổ chức tư vấn có liên quan

1. Tổ chức xác định giá trị tài sản

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 toà nhà SUDICO, đường Mễ Trì, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3868 9566/ 024 3868 9588

Website: kiemtoanava.com.vn

2. Tổ chức đấu giá tài sản

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH QUỐC GIA

Địa chỉ: Số 71 ngõ 125 đường Tân Xuân, TDP Tân Xuân 1, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 3212 1723

Website:

3. Tổ chức tư vấn luật

CÔNG TY LUẬT TNHH VINA LEGAL

Địa chỉ: phòng 08A 2F, 17 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 32669611

Website: vinallegal.com

4. Tổ chức Tư vấn xây dựng phương án bán và bản công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Địa chỉ: Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại: (084-24) 3728 0921 Fax: (84-24) 3728 0920

Website: www.tvsi.com.vn

IX. Khuyến nghị đối với nhà đầu tư

Các thông tin liên quan đến Dự án NMTĐSB5 được cung cấp bởi những cá nhân có đầy đủ thẩm quyền của PECC1.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin và Quy chế cuộc đấu giá tài sản trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá. Các nhà đầu tư tham dự đấu giá có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Chính